

# HỤT HƠI

*Câu chuyện hôm nay: Giá đường thế giới giảm nhẹ, trong khi thị trường nội địa không có nhiều biến động*

**BẢN TIN SÁNG 29/11/2024**





ĐÃ CÓ  
**1116** BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Q3/2024

**TRỰC QUAN HÓA** biểu đồ

Trên **smartDragon**



**smartDragon**

**NỀN TẢNG PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ SÁNG TẠO  
XUẤT SẮC VIỆT NAM 2024**

**GIẢI THƯỞNG  
GLOBAL BANKING & FINANCE**



**TRẢI NGHIỆM NGAY**

## NHẬN ĐỊNH VÀ DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG

**VN-Index** 1242,1 ▲0,01%    **VN30** 1301,5 ▲0,04%    **HNX-Index** 223,6 ▲0,21%

- ❖ Thị trường có sắc xanh và bật tăng khi bước vào phiên giao dịch mới. Diễn biến tăng điểm nhanh đã đưa thị trường đến vùng 1.250 điểm. Tuy nhiên, thị trường cũng nhanh chóng hạ nhiệt tại vùng này và lùi bước trở lại. Số điểm tăng dần giảm trong phiên và thị trường đã trở lại quanh mốc tham chiếu vào cuối phiên giao dịch.
- ❖ Với diễn biến hạ nhiệt của thị trường, nhiều nhóm cổ phiếu cũng trở lại trạng thái lưỡng lự, tuy nhiên diễn biến phân hóa vẫn tiếp diễn với sắc xanh duy trì ở khá nhiều cổ phiếu đơn lẻ. Nhóm Dầu khí, nhóm Y tế, nhóm Thép ... vẫn có nỗ lực duy trì sắc xanh và góp phần hỗ trợ thị trường.
- ❖ Thị trường dừng bước tại vùng 1.250 điểm và nhanh chóng hạ nhiệt. Thanh khoản tăng so với phiên trước nhưng vẫn ở mức khá thấp, cho thấy dòng tiền vẫn trong trạng thái thận trọng khi thị trường tăng điểm.
- ❖ Mặc dù thị trường vẫn giữ sắc xanh nhưng tín hiệu nền thận trọng hiện tại thể hiện thị trường đang bị cản và tiềm ẩn rủi ro điều chỉnh sau nhịp tăng kéo dài nhiều phiên.
- ❖ Dự kiến thị trường sẽ lùi về vùng MA(20), vùng 1.238 điểm, hoặc dưới vùng này để kiểm tra lại cung cầu. Nếu nguồn cung tăng trở lại và chiếm ưu thế so với dòng tiền trong giai đoạn thăm dò này thì rủi ro giảm điểm sẽ tiếp diễn.

## CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

- ❖ Quý Nhà đầu tư nên chậm lại và quan sát diễn biến cung cầu để đánh giá trạng thái thị trường.
- ❖ Đồng thời, Nhà đầu tư vẫn cần quản trị danh mục hợp lý, có thể cân nhắc chốt lời ngắn hạn hoặc cơ cấu danh mục theo hướng giảm thiểu rủi ro.

Tín hiệu kỹ thuật VN-Index



**Thế giới** Hoa Kỳ

**Đồng euro và yen kìm hãm đà phục hồi của đồng USD**

Đồng euro và đồng yen giữ vững mức tăng mạnh chủ yếu do những đồn đoán về định hướng chính sách của các ngân hàng trung ương. [Xem thêm](#)

**Thế giới** Dầu thô

**Dầu giảm nhẹ khi dự trữ xăng tại Mỹ tăng**

Giá dầu giảm nhẹ trong phiên giao dịch châu Á vào ngày thứ Năm (28/11), sau khi dự trữ xăng tại Mỹ bất ngờ tăng trước kỳ nghỉ lễ Tạ ơn ở quốc gia này đã làm dấy lên lo ngại về nhu cầu tại quốc gia tiêu thụ nhiên liệu động cơ hàng đầu này. [Xem thêm](#)

**Thế giới** Hoa Kỳ

**Một sàn chứng khoán Mỹ được giao dịch 23 tiếng/ngày**

Việc tăng thời gian giao dịch giúp 24X được tiếp cận nhiều nhà đầu tư hơn. Tuy nhiên, việc này cũng đòi hỏi họ minh bạch hơn về hiển thị giá trong các giờ giao dịch đêm. [Xem thêm](#)

**Thế giới** Hàng hóa

**Vàng thế giới giảm về dưới mốc 2,630 USD**

Giá vàng giảm vào ngày thứ Năm (28/11) do đồng USD mạnh hơn, trong khi nhà đầu tư đánh giá một loạt dữ liệu kinh tế cho thấy tiến triển lạm phát bị đình trệ, qua đó đưa ra khả năng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể thận trọng khi tiếp tục hạ lãi suất. [Xem thêm](#)

**Trong nước** Chính sách

**Đề xuất tiếp tục giảm thuế VAT 2%, thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng**

Tiếp tục chương trình Kỳ họp thứ 8, chiều 28/11, Quốc hội nghe Tờ trình; Báo cáo thẩm tra và thảo luận tại hội trường về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế GTGT. [Xem thêm](#)

**Trong nước** Ngân hàng

**Ngân hàng Nhà nước nới thêm room tín dụng cho các ngân hàng**

Việc điều chỉnh này được thực hiện trong điều kiện lạm phát được kiểm soát tốt dưới mức mục tiêu Quốc hội, Chính phủ đề ra và nhằm thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về điều hành TTTD linh hoạt, hiệu quả, kịp thời đáp ứng vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh. [Xem thêm](#)

**Trong nước** Bất động sản

**Luật mới có hiệu lực, nhà đầu tư bất động sản thay đổi "khẩu vị"**

Nhà đầu tư dự án bất động sản ngày càng chú trọng hơn đến tính pháp lý và khả năng đáp ứng nhu cầu ở thực của dự án - những yếu tố giúp giảm thiểu rủi ro và đảm bảo giá trị bền vững cho khoản đầu tư. [Xem thêm](#)

**Trong nước** Tỷ giá

**Tỷ giá liên ngân hàng tiếp tục hạ nhiệt**

28/11, NHNN giảm tỷ giá trung tâm 24 đồng, USD ngân hàng thương mại niêm yết sát trần, thị trường liên ngân hàng tiếp tục giảm. [Xem thêm](#)

## Sự kiện trong nước

| Thời gian  | Sự kiện                                               |
|------------|-------------------------------------------------------|
| 01/11/2024 | Công bố chỉ số quản lý thu mua PMI                    |
| 01/11/2024 | Các Quỹ ETF VN DIAMOND thực hiện cơ cấu danh mục      |
| 06/11/2024 | Công bố số liệu kinh tế Việt Nam tháng 10 và 10 tháng |
| 07/11/2024 | MSCI công bố danh mục mới                             |
| 21/11/2024 | Đáo hạn HĐTL tháng 11 (VN30F2411)                     |
| 22/11/2024 | Quỹ ETF ishare MSCI thực hiện tái cơ cấu danh mục     |

## Sự kiện thế giới

| Thời gian  | Quốc gia | Sự kiện                               |
|------------|----------|---------------------------------------|
| 01/11/2024 | Mỹ       | Công bố chỉ số PMI sản xuất tháng 10  |
| 05/11/2024 | Mỹ       | Công bố chỉ số PMI dịch vụ tháng 10   |
| 06/11/2024 | Mỹ       | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA      |
| 06/11/2024 | Nhật     | BOJ tuyên bố chính sách tiền tệ       |
| 07/11/2024 | Mỹ       | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA |
| 07/11/2024 | Châu Âu  | Công bố doanh số bán lẻ tháng 10      |

## Sự kiện thế giới

| Thời gian  | Quốc gia   | Sự kiện                                            |
|------------|------------|----------------------------------------------------|
| 08/11/2024 | Mỹ         | FED công bố lãi suất điều hành                     |
| 14/11/2024 | Mỹ         | Công bố ngân sách Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed)    |
| 14/11/2024 | Mỹ         | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                   |
| 14/11/2024 | Mỹ         | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA              |
| 14/11/2024 | Anh        | Công bố chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10       |
| 14/11/2024 | Châu Âu    | ECB công bố chính sách lãi suất và tiền tệ         |
| 14/11/2024 | Mỹ         | Chỉ Số Giá PPI tháng 10                            |
| 15/11/2024 | Trung Quốc | Công bố chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10       |
| 15/11/2024 | Mỹ         | Công bố chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10       |
| 15/11/2024 | Trung Quốc | Công bố doanh số bán lẻ tháng 10                   |
| 15/11/2024 | Mỹ         | Công bố doanh số bán lẻ tháng 10                   |
| 20/11/2024 | Mỹ         | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                   |
| 22/11/2024 | Mỹ         | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA              |
| 27/11/2024 | Mỹ         | Thống kê tồn kho dầu thô của EIA                   |
| 27/11/2024 | Mỹ         | Công bố số điều chỉnh GDP                          |
| 27/11/2024 | Mỹ         | Công bố chỉ số giá PCE tháng 10                    |
| 28/11/2024 | Mỹ         | Thống kê tồn kho khí tự nhiên của EIA              |
| 28/11/2024 | Mỹ         | Cuộc họp của Ủy ban Thị trường mở Liên bang (FOMC) |

| Sàn giao dịch | Mã cổ phiếu | Vốn hoá (nghìn tỷ đ) | Giá hiện tại (VND) | Giá mục tiêu (VND) | LN kỳ vọng (%) | Tăng trưởng DT (%) |       | Tăng trưởng LNST |       | P/E  |       | P/B      |
|---------------|-------------|----------------------|--------------------|--------------------|----------------|--------------------|-------|------------------|-------|------|-------|----------|
|               |             |                      |                    |                    |                | 2023               | 2024F | 2023             | 2024F | 2023 | 2024F | Hiện tại |
| HOSE          | <b>KBC</b>  | 21,3                 | 27.800             | 41.600             | 49,6%          | 491,3              | -30,2 | 34,7             | -66,4 | 10,5 | 31,2  | 1,2      |
| UPCoM         | <b>NTC</b>  | 4,6                  | 191.000            | 285.000            | 49,2%          | -12,3              | -33,3 | 15,9             | -38,8 | 15,3 | 25,0  | 4,0      |
| HOSE          | <b>LHG</b>  | 1,8                  | 36.300             | 54.000             | 48,8%          | -37,2              | 4,5   | -25,5            | 1,9   | 10,9 | 10,7  | 1,1      |
| UPCoM         | <b>GDA</b>  | 3,1                  | 26.900             | 38.700             | 43,9%          | -19,0              | 9,3   | 202,6            | 37,7  | 10,9 | 8,1   | 0,8      |
| HOSE          | <b>PVD</b>  | 13,1                 | 23.600             | 33.200             | 40,7%          | 7,0                | 31,8  | -662,8           | 23,6  | 22,6 | 18,3  | 0,9      |
| HOSE          | <b>PPC</b>  | 3,5                  | 11.050             | 15.500             | 40,3%          | 10,2               | 22,8  | -12,8            | 11,3  | 9,3  | 8,3   | 0,8      |
| HOSE          | <b>DPR</b>  | 3,3                  | 38.200             | 53.300             | 39,5%          | -14,0              | 11,6  | -15,3            | 38,1  | 16,0 | 11,6  | 1,3      |
| HOSE          | <b>HPG</b>  | 168,9                | 26.400             | 35.800             | 35,6%          | -15,9              | 19,4  | -19,4            | 80,7  | 22,5 | 14,5  | 1,5      |
| HOSE          | <b>VNM</b>  | 134,8                | 64.500             | 86.500             | 34,1%          | 0,7                | 6,4   | 4,2              | 13,2  | 17,0 | 13,4  | 4,3      |
| HOSE          | <b>NKG</b>  | 5,1                  | 19.400             | 24.800             | 27,8%          | -19,4              | 6,0   | -194,2           | 368,1 | 43,5 | 9,6   | 0,9      |
| HOSE          | <b>PHR</b>  | 7,7                  | 56.500             | 71.000             | 25,7%          | -20,9              | 29,7  | -30,3            | 5,1   | 12,4 | 11,8  | 2,0      |
| HOSE          | <b>KDH</b>  | 33,4                 | 33.050             | 41.200             | 24,7%          | 4,3                | 116,0 | 9,3              | 55,6  | 36,5 | 32,0  | 2,0      |
| HOSE          | <b>VSC</b>  | 4,6                  | 15.950             | 19.800             | 24,1%          | 8,6                | 25,4  | -59,9            | 77,6  | 17,7 | 20,4  | 1,1      |

## Giá đường thế giới giảm nhẹ, trong khi thị trường nội địa không có nhiều biến động

### Giá đường thế giới tiếp nối đà giảm trong tuần qua

Giá đường thô – trắng thế giới tuần qua (20-26/11/2024) quay đầu giảm xuống mức thấp hơn sau khi Tổ chức Đường Quốc tế (ISO) hạ dự báo thâm hụt đường toàn cầu niên vụ 2024/25 xuống -2,51 triệu tấn so với dự báo tháng 8 là -3,58 triệu tấn. ISO cũng nâng ước tính thặng dư đường toàn cầu niên vụ 2023/24 lên 1,31 triệu tấn so với dự báo tháng 8 là +200.000 tấn.

Bên cạnh đó, giá đường cũng chịu áp lực do giá dầu thô suy yếu. Dầu thô WTI đã giảm hơn -3% vào ngày 25/11, làm giảm giá ethanol và có thể khiến các nhà máy đường trên thế giới chuyển hướng nghiền mía sang sản xuất đường nhiều hơn ethanol, do đó thúc đẩy nguồn cung đường.

Ngoài ra, giá đường còn chịu tác động tiêu cực từ suy đoán rằng sản lượng đường tăng ở Thái Lan sẽ giữ cho nguồn cung đường toàn cầu dồi dào bất chấp tình trạng thiếu hụt do các nhà máy đường đóng cửa theo mùa ở Brazil. Ngày 18/11, Wilmar International dự đoán số lượng nhà máy đường đóng cửa ở Brazil hiện là 38, và sẽ tăng hơn gấp 3 lần trong tháng này, làm giảm mạnh sản lượng đường của nước này. Các nhà máy đường ở Brazil thường ngừng chế biến mía trong những tháng ẩm ướt như tháng 12 và tháng 1 và có thể hoạt động trở lại sớm nhất là vào tháng 3, tùy thuộc vào thời tiết.

Tuy nhiên, giá đường nhận được sự hỗ trợ phần nào sau khi Citigroup dự báo tình trạng thiếu đường toàn cầu trong niên vụ 2024/25 và 2025/26. Citigroup dự đoán mức thâm hụt đường toàn cầu niên vụ 2024/25 là -2,3 triệu tấn và mức thâm hụt đường toàn cầu niên vụ 2025/26 là -1,3 triệu tấn, do hạn hán kéo dài và mưa quá nhiều xảy ra ở miền Trung Nam Brazil, khu vực trồng đường chính của đất nước.

Tính đến thứ Ba tuần này (26/11), giá các hợp đồng đường thô trên sàn NewYork kỳ hạn gần nhất giảm trở lại so với 1 tuần trước. Giá đường thô NY kỳ hạn 3/2025 ngày 26/11 ở mức 21,57 cent/lb tương đương 476,2 USD/tấn, giảm 0,45 cent/lb so với ngày 19/11. So với giá đầu năm 2024, giá đường thô NY hiện tăng khoảng 3,4% giá đường đầu năm (giá đường thô đầu năm 2024: 20,86 cent/lb).

**Hình 1: Giá đường thô NewYork theo tuần cập nhật đến tuần 20-26/11/2024, quy đổi ra USD/tấn**

| Kỳ hạn  | Giá<br>26/11/2024 | (+/-) | Tháng 10 |       | Tháng 11 |       |
|---------|-------------------|-------|----------|-------|----------|-------|
|         |                   |       | Min      | Max   | Min      | Max   |
| 03/2025 | 476.2             | -9.93 | 479.7    | 513.0 | 466.9    | 490.1 |
| 05/2025 | 447.5             | -5.96 | 444.4    | 475.7 | 438.9    | 456.3 |
| 07/2025 | 432.2             | -3.97 | 426.5    | 451.2 | 424.5    | 437.5 |
| 10/2025 | 428.7             | -3.75 | 421.9    | 443.5 | 422.3    | 432.2 |
| 03/2026 | 431.6             | -3.53 | 424.7    | 443.5 | 426.5    | 434.7 |

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

**Hình 2: Giá đường trắng kỳ hạn trên sàn London theo tuần cập nhật đến tuần 20-26/11/2024, USD/tấn**

| Kỳ hạn  | Giá<br>26/11/2024 | (+/-) | Tháng 10 |       | Tháng 11 |       |
|---------|-------------------|-------|----------|-------|----------|-------|
|         |                   |       | Min      | Max   | Min      | Max   |
| 03/2025 | 555.2             | -13.5 | 561.2    | 584   | 543      | 573.5 |
| 05/2025 | 552.4             | -11.2 | 567      | 591.4 | 556.9    | 566.9 |
| 08/2025 | 542.2             | -7.8  | 559.2    | 585.2 | 549.1    | 551.1 |
| 10/2025 | 532.1             | -5.4  | 542.9    | 568.6 | 533.8    | 537.4 |
| 12/2025 | 529.3             | -4.3  | 529.6    | 552.2 | 522.6    | 533.2 |

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Nguồn: Agromonitor

Trên sàn London, giá các hợp đồng đường trắng kỳ hạn gần nhất sụt giảm so với 1 tuần trước. Tính đến 26/11, giá đường kỳ hạn 03/2025 ở mức 555,2 USD/tấn, giảm 13,5 USD/tấn so với ngày 19/11. Giá đường hiện giảm 8,2% so với thời điểm đầu năm 2024 (giá đầu năm 2024: 605 USD/tấn).

### Giá đường nội địa không có nhiều biến động

Trong kỳ (21-27/11), nguồn cung đường nội địa vụ mới bắt đầu có lượng ít từ một số Nhà máy chạy sớm. Giao dịch vẫn tiếp tục chậm, sức tiêu thụ chưa có dấu hiệu khởi sắc.

Kỳ này, một số Nhà máy khu vực miền Trung-Tây Nguyên bắt đầu chạy vụ 2024/25. Trong đó, đường Đắk Lắk hạt nhỏ bắt đầu có hàng, TM chào bán đường vụ mới ở mức 20.400 đ/kg kỳ này. Trong khi nguồn đường vụ cũ cạn dần, lượng còn lại không đáng kể, chủ yếu lượng còn của các đơn vị TM. Giá chào bán đường vụ cũ tiếp tục chứng so với kỳ trước với đường RS An Khê tại kho miền Trung giữ mức 20.200 đ/kg.

Tại khu vực miền Nam-Tây, nguồn cung đường nội địa vụ cũ cạn dần, tuy nhiên sức tiêu thụ tiếp tục yếu, các đơn vị TM tập trung đẩy bán nốt hàng đường vụ cũ. Giá đường RS An Khê tại CN HCM giữ mức 20.500 đ/kg và đường RE An Khê giữ mức 22.000 đ/kg. Bên cạnh đó, đường Trà Vinh hạt nhỏ còn lượng ít giá chào bán quanh mức 21.400-21.500 đ/kg tại nhà máy, nhưng chất lượng được cho là hơi kém, ẩm.

### Giá đường tiểu ngạch tăng nhẹ

**Tại miền Trung**, nguồn đường tiểu ngạch về ít, chậm. Giá đường dao động trong ngưỡng 19.500-19.600 đ/kg tăng nhẹ so với 19.400-19.500 đ/kg hồi kỳ trước. Nhu cầu tiêu thụ chậm, không nhiều, khiến nhiều thương mại sản xuất nhỏ vừa khó ra hàng.

**Tại miền Tây**, nguồn đường về tiếp tục ít so với kỳ trước. Giá đường chào bán tăng so với tuần trước mức 20.300- 20.500 đ/kg so với 20.000-20.200 đ/kg. Hàng đẹp Nhu cầu tiêu thụ đều nhưng không có nhiều đột biến tuy nhiên nguồn cung ít, khan hàng khiến thương mại đẩy giá cao.

**Hình 3: Giá đường tiểu ngạch Miền Trung-Nam, VNĐ/kg**

| Mặt hàng & Địa bàn                    | Kỳ này 14/11-20/11 | Kỳ này 21/11-27/11 | (+/-) |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|-------|
| Đường tiểu ngạch khu vực miền Trung   | 19,400-19,500      | 19,500-19,600      | +100  |
| Đường tiểu ngạch khu vực miền Tây/Nam | 20,000-20,200      | 20,300-20,500      | 200   |

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp.

**Hình 4: Giá đường nội địa Miền Trung-Nam, VNĐ/kg**

| Mặt hàng & Địa bàn           | Kỳ 21-27/11 | ( +/ - ) | Tháng 10/2024 |        | Tháng 11/2024 |        |
|------------------------------|-------------|----------|---------------|--------|---------------|--------|
|                              |             |          | Min           | Max    | Min           | Max    |
| Giá đường nhà máy            |             |          |               |        |               |        |
| Đường RS An Khê (kho CN HCM) | 20,500      | 0        | 20,500        | 20,500 | 20,500        | 20,500 |
| Đường RE An Khê (kho CN HCM) | 22,000      | 0        | 22,000        | 22,000 | 22,000        | 22,000 |

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp.

Nguồn: Agromonitor

| Ngày  | Mã cổ phiếu | Bình luận kỹ thuật mới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 29/11 | BVH         | Một lần nữa, đà tăng của BVH bị đẩy lùi khi nỗ lực vượt cản quanh 45 (đỉnh tháng 08/2024). Hình ảnh bóng nến trên dài tiếp tục xuất hiện cho thấy lực cung tại đây vẫn ở mức cao. Do đó, để nới rộng đà tăng từ SMA 200 ngày, BVH cần sớm vượt khu vực cản trên. Hiện tại, SMA 20 ngày đang là hỗ trợ gần nhất của cổ phiếu.                                                                                    |
|       | CTS         | Mặc dù đã có những tín hiệu chứng lại đà giảm quanh đáy tháng 8/2024 (quanh 34) nhưng CTS vẫn chưa ghi nhận phiên tăng xác nhận tín hiệu tạo đáy tại đây. Việc đà phục hồi bị đẩy lùi trước SMA 20 ngày trong phiên này khiến rủi ro tiếp nối đà giảm gia tăng hơn nữa. Vì vậy, nếu mốc 34 bị phá vỡ thì cổ phiếu có khả năng lùi về khu vực cân bằng thấp hơn ở 30.                                            |
|       | DPR         | Sau nhiều phiên lưỡng lự với nguồn cung giảm về mức thấp, DPR đã có nỗ lực tăng giá và vượt nhẹ ngưỡng 38, ngưỡng hỗ trợ mà DPR đã đánh mất trong đợt giảm gần đây. Tín hiệu này có thể giúp DPR có nhịp hồi phục ngắn hạn để kiểm tra lại nguồn cung tại vùng 39,2 - 39,7, vùng MA(200) và MA(100).                                                                                                            |
|       | NKG         | Mặc dù NKG đã có động thái đảo chiều từ vùng hỗ trợ 19 nhưng diễn biến hồi phục trong các phiên gần đây khá kém. Đồng thời tín hiệu hụt hơi hiện tại thể hiện dòng tiền hỗ trợ thấp và NKG vẫn còn chịu tác động không tốt từ xu hướng giảm trước đó. Do vậy, NKG cần thêm thời gian để tạo vùng cân bằng hoặc lùi về vùng hỗ trợ tốt hơn trong thời gian tới.                                                  |
|       | VCI         | VCI tiếp tục chịu sức ép từng vùng cản gần 34, cũng là vùng MA(20), và lùi bước. Đồng thời diễn biến hồi phục trong những phiên gần đây cũng khá kém. Mặc dù áp lực cung chưa quá lớn nhưng diễn biến VCI vẫn còn chịu tác động không tốt từ xu hướng giảm trước đó. Do vậy, VCI cần thêm thời gian để tạo vùng cân bằng hoặc lùi về vùng hỗ trợ tốt hơn trong thời gian tới.                                   |
|       | VGI         | Xu hướng đi lên của VGI tiếp tục được nối dài khi cổ phiếu tìm về lại đỉnh liền kề (quanh 88). Việc đóng nến cao nhất ngày kèm thanh khoản cải thiện giúp củng cố kỳ vọng vượt cản này của cổ phiếu. Nếu diễn biến này thành công, VGI sẽ có khả năng hướng về đỉnh 2024 (quanh 112).                                                                                                                           |
|       | VNIndex     | VN-Index bị cản tại vùng 1.250 điểm và lùi bước. Tín hiệu nền thận trọng hiện tại thể hiện chỉ số đang bị cản và tiềm ẩn rủi ro điều chỉnh sau nhịp tăng kéo dài nhiều phiên. Dự kiến VN-Index sẽ lùi về vùng MA(20), vùng 1.238 điểm, hoặc dưới vùng này để kiểm tra lại cung cầu. Nếu nguồn cung tăng trở lại và chiếm ưu thế so với dòng tiền trong giai đoạn thăm dò này thì rủi ro giảm điểm sẽ tiếp diễn. |

| Ngày KN             | Mã  | Giá Hiện tại | Giá KN MUA | Mục tiêu Ngắn hạn 1 | Mục tiêu Ngắn hạn 2 | Cắt lỗ | Giá đóng vị thế | Lãi/ Lỗ | Trạng thái | Biến động VN-Index (*) |
|---------------------|-----|--------------|------------|---------------------|---------------------|--------|-----------------|---------|------------|------------------------|
| 27/11               | SZC | 40,45        | 40,30      | 43,50               | 47,00               | 37,80  |                 | 0,4%    |            | 0,0%                   |
| 27/11               | TCM | 47,05        | 46,70      | 50,00               | 54,00               | 44,40  |                 | 0,7%    |            | 0,0%                   |
| 22/11               | CTI | 16,95        | 16,55      | 18,00               | 19,50               | 15,70  |                 | 2,4%    |            | 1,1%                   |
| 12/11               | GDA | 26,90        | 27,60      | 30,00               | 32,00               | 25,90  | 28,20           | 2,2%    | Đóng 14/11 | -2,5%                  |
| 07/11               | KDH | 33,05        | 33,40      | 35,50               | 38,50               | 31,40  | 33,35           | -0,1%   | Đóng 14/11 | -3,4%                  |
| 07/11               | VNM | 64,50        | 65,80      | 69,00               | 73,00               | 62,80  |                 | -2,0%   |            | -1,5%                  |
| 25/10               | MSN | 72,40        | 77,20      | 82,00               | 88,00               | 71,80  | 73,00           | -5,4%   | Đóng 12/11 | -2,0%                  |
| 25/10               | VIB | 18,90        | 18,25      | 19,50               | 21,00               | 16,90  |                 | 3,6%    |            | -1,2%                  |
| 18/10               | DPG | 51,30        | 55,90      | 61,00               | 67,00               | 53,30  | 53,30           | -4,7%   | Đóng 30/10 | -2,2%                  |
| 16/10               | VCB | 92,60        | 91,50      | 97,00               | 103,00              | 84,80  |                 | 1,2%    |            | -3,6%                  |
| 14/10               | SAB | 55,50        | 57,20      | 62,00               | 67,00               | 54,30  | 57,00           | -0,3%   | Đóng 12/11 | -4,4%                  |
| 10/10               | POW | 12,45        | 12,90      | 14,00               | 15,50               | 12,20  | 12,20           | -5,4%   | Đóng 24/10 | -1,9%                  |
| 09/10               | PVI | 48,20        | 46,00      | 49,00               | 52,00               | 43,70  |                 | 4,8%    |            | -2,3%                  |
| Hiệu quả Trung bình |     |              |            |                     |                     |        |                 | -0,2%   |            | -1,8%                  |

(\*) Biến động VN-Index (tính từ ngày Khuyến nghị đến ngày đóng vị thế) làm cơ sở so sánh hiệu quả khuyến nghị.

# TÀI KHOẢN MỚI MARGIN HỜI

Đến hết 31/12/2024

*Lãi suất chỉ*

8.888%  
Năm



Dư nợ ưu đãi tối đa 5 tỷ đồng/khách hàng/ngày

Thời hạn tối đa 03 tháng (kể từ ngày kích hoạt)

## MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỢI SỞ

Tầng 1 đến tầng 8, tòa nhà Viet Dragon  
141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM  
☎ (+84) 28 6299 2006 ✉ info@vdsc.com.vn  
☎ (+84) 28 6291 7986 🌐 www.vdsc.com.vn  
MST 0304734965

### CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow  
02 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội  
☎ (+84) 24 6288 2006  
☎ (+84) 24 6288 2008

### CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, Tòa nhà Sacombank, số 76 Quang Trung,  
P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Khánh Hòa  
☎ (+84) 25 8382 0006  
☎ (+84) 25 8382 0008

### CHI NHÁNH CẦN THƠ

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank  
95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ  
☎ (+84) 29 2381 7578  
☎ (+84) 29 2381 8387

### CHI NHÁNH VŨNG TÀU

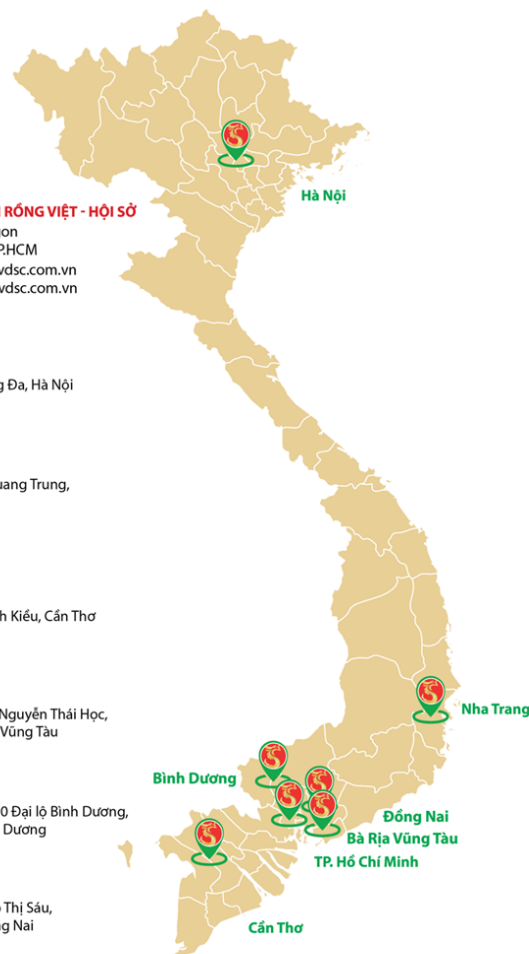
Tầng 2, Tòa nhà VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,  
P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
☎ (+84) 25 4777 2006

### CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,  
P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
☎ (+84) 27 4777 2006

### CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Tầng 8, Tòa nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,  
P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
☎ (+84) 25 1777 2006



## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. RongViet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được RongViet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của RongViet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc RongViet Securities.**

## PHÒNG TƯ VẤN ĐẦU TƯ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

**Nguyễn Đại Hiệp**

**Giám đốc**

hiep.nd@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (1331)

**Nguyễn Huy Phương**

**Trưởng phòng cao cấp**

phuong.nh@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006

**Nguyễn Minh Hiếu**

**Trưởng phòng**

hieu1.nm@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006 (2226)

**Lê Huỳnh Hương**

**Chuyên viên**

huong.lh@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006

**Đoàn Hoàng Gia Bảo**

**Chuyên viên**

bao.dhg@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006

**Trần Trung Hiếu**

**Chuyên viên**

hieu1.tt@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006

**Nguyễn Trần Gia Hưng**

**Chuyên viên**

hung.ntg@vdsc.com.vn

+ 84 28 62992006